Kính gửi: Quý khách hàng

Chúng tôi, Công ty CP Giải pháp Công nghệ Môi trường Nhất Tinh (WSC) là nhà phân phối độc quyền sản phẩm KHUẾCH TÁN KHÍ thương hiệu EDI – Mỹ, ứng dụng cho bể xử lý sinh học hiếu khí (Aerotank, SBR, FBR, hồ sinh học v.v…), sục khí bể điều hòa,… trong lĩnh vực xử lý nước thải và đáp ứng đúng các yêu cầu kỹ thuật và giá cả cạnh tranh với các hãng khác trên thị trường:

- Thương hiệu: EDI – Mỹ
- Sản xuất: tại Mỹ
- Nhập khẩu: Được nhập khẩu trực tiếp bởi Nhất Tinh

Environmental Dynamics International (hay gọi tắt là EDI) được thành lập và phát triển từ **năm 1975 (là nhà sản xuất thiết bị khuếch tán khí lâu đời nhất trên thế giới)**, là một công ty hàng đầu chuyên nghiên cứu, phát triển và ứng dụng các giải pháp xử lý sinh học để xử lý nước thải; và là một trong những công ty hàng đầu trong lĩnh vực khuếch tán khí, với hơn 7000 dự án trên hơn 100 quốc gia trên thế giới.

Vì các ưu điểm và tính năng vượt trội mà EDI đã được hai Công ty chuyên về công nghệ nước thải lớn tại Việt Nam sử dụng **(KEY ACCOUNT)** trong toàn bộ các Dự án của họ trong suốt gần 20 năm qua:

SFC Việt Nam: Chuyên về nước thải Đô thị;

SEEN: chuyên về nước thải Khu Công nghiệp, và nước thải Đô thị;

Ưu điểm hàng đầu của EDI:

Ưu điểm	Kết quả	Lợi ích
Thông lượng RẤT LỚN (trên cùng 1 đơn vị diện tích màng)	Thiết kế ít số lượng	Giảm chi phí đầu tư
Hiệu suất khuếch tán oxy (SOTE) CAO	Lưu lượng khí nhỏ, máy thổi khí nhỏ hơn (điện áp, model máy nhỏ)	Giảm chi phí đầu tư cho: Máy thổi khí, motor điện, thiết bị điện và biến tần; van, size ống v.v Giảm chi phí vận hành;
Tổn thất áp lực (pressure lose) qua màng rất THẤP	Áp lực tính toán cho máy thổi khí nhỏ	Giảm chi phí vận hành
	Duy trì hiệu suất khuếch tán lâu dài	Giảm chi phí vận hành

Màng EDPM (tùy chọn được vật liệu khác cho các yêu cầu đặt biệt), tính đồng nhất của đường kính các lỗ màng *(có thể nhìn bằng mắt thường)* cho ra bọt khí mịn, đều.

Ghi chú: (Các thông tin trên được tìm thấy trong Catalog; biểu đồ hiệu suất khuếch tán – SOTE và biểu đồ tổn thất DWP của EDI).

Hiệu suất khuếch tán của đĩa 9 inches ứng với từng điểm lưu lượng và độ sâu ngập nước:

Đĩa tinh 9inches (273 mm)	1 m3N/hr/đĩa	2 m3N/hr/đĩa	3 m3N/hr/đĩa	4 m3N/hr/đĩa	5 m3N/hr/đĩa	6 m3N/hr/đĩa
Tại 1.5 mét H2O	14%	13%	12.5%	12.5 – 11%	12.5 – 11%	12.5 – 11%
Tại 3.0 mét H2O	26%	24%	23%	23%	22% – 21.5%	22% – 21.5%
Tại 4.5 mét H2O	**37%**	**34%**	**33%**	**32%**	**31.5 – 31%**	**31.5 – 31%**
Tại 6.0 mét H2O	46%	43%	41%	40%	39 – 38.5%	39 – 38.5%
Tại 7.5 mét H2O	54%	50.5%	49%	47%	46 – 45%	46 – 45%

Chứng từ các sản phẩm EDI:

- CO & CQ được ký tên và đóng dấu bởi Phòng thương mại của Mỹ (đối với C/O), bởi Nhà sản xuất (đối với C/Q).

- Trên CO & CQ đều thể hiện rõ ràng thông tin và số lượng của từng loại sản phẩm (khác với một số sản phẩm khác thì trên CO chỉ thể hiện tên của sản phẩm chứ chưa thể hiện được số lượng của sản phẩm đó hoặc các giấy tờ không có chữ ký và đóng dấu).

- Sản phẩm của EDI được cung cấp bởi Nhất Tinh, Quý khách hàng có thể yên tâm về mặt hàng hóa cũng như chứng từ, Nhất Tinh luôn cung cấp những giấy tờ, chứng từ rõ ràng, chi tiết cho từng sản phẩm của mình và thời gian gần nhất với thời gian đặt hàng của khách hàng.

- Nội dung được thể hiện trên CO, CQ của EDI:

<table>
<tr><td>C/O</td><td>
<table>
<tr><th colspan="3">PARTICULARS FURNISHED BY SHIPPER</th></tr>
<tr><th>MARKS AND NUMBERS</th><th>NO OF PKGS</th><th>DESCRIPTION OF PACKAGES AND GOODS</th></tr>
<tr><td>34066
C1-C6</td><td>6CRATES</td><td>16Diffuser, T-Series, 91-1003, PVC, 0.750" MPT, EPDM 2 x 2
2400Diffuser, 12" dia Disc, GFPP, 0.750" MPT II, EPDM 1 x 1</td></tr>
</table>
Do sản phẩm không có số Series nên Chứng từ C/O của Chúng tôi đều thể hiện số lượng sản phẩm được nhập khẩu.
</td></tr>
<tr><td>C/Q</td><td>
EDI Project Location: Ho Chi Minh City, Vietnam
EDI Project Number: 34066
EDI Part Description: Diffuser, T-Series, 91-1003, PVC, 0.750" MPT, EPDM 2x2
Diffuser, 12" dia Disc, GFPP, 0.750" MPT II, EPDM 1x1
Manufacturer: Environmental Dynamics International
Do sản phẩm hoàn chỉnh (Final product) được sản xuất tại Nhà máy EDI tại Mỹ, nên C/Q sẽ được ký và đóng dấu bởi Nhà máy EDI, Mỹ.
</td></tr>
</table>

A. THIẾT BỊ PHÂN PHỐI KHÍ THÔ

Ứng dụng: Sử dụng trong bể điều hoà hoặc các bể chứa có mục đích khuấy trộn

TT	MÔ TẢ HÀNG HÓA	ĐƠN GIÁ [VNĐ]
1	**Đĩa phân phối khí bọt thô** **Model: PC75 (Medium)** *Thông số kỹ thuật:* - Kiểu: Đĩa (Disc), Bọt thô (Coarsebubble) - Lưu lượng thiết kế: 2-13 m^3/hr - Đường kính: 127mm (5inch) - Diện tích bề mặt hoạt động: 0.012 m2 - Đầu nối: Ren 27mm - Vật liệu: Màng: EPDM; Khung: ABS *Ghi chú: Lắp đặt bề mặt đĩa hướng xuống đáy bể*	
2	**Ống phân phối khí bọt thô** **Model: MXPV-24** *Thông số kỹ thuật:* - Kiểu: Ống (Tube), Bọt thô (Coarse bubble) - Lưu lượng thiết kế: 0–79 m3/hr (Simplex); 0–158 (Duplex) - Chiều dài: 832mm (Simplex); 1672 (Duplex) - Kiểu nối: SADDLE MOUNT (Kết nối với ống chính có kích thước 4”-8”, 110mm hoặc 160mm) - Vật liệu: PVC	**Đặt hàngTheo yêu cầu**
3	**Ống phân phối khí bọt thô** **Model: MX6S-XX (XX- 12 hoặc 24)** *Thông số kỹ thuật:* - Kiểu: Ống (Tube), Bọt thô (Coarse bubble) - Lưu lượng hoạt động: 7.9-43.6m3/hr (24”) và 7.9-23.8m3/hr (12”) - Lưu lượng max: 87.1 m3/hr (24”) và 47.5 m3/hr (12”) - Chiều dài: 610mm (24”); 305mm (12”) - Kích thước lỗ: 21 mm - Kiểu nối: Ren 27 mm - Vật liệu: Inox 316	**Đặt hàngTheo yêu cầu** 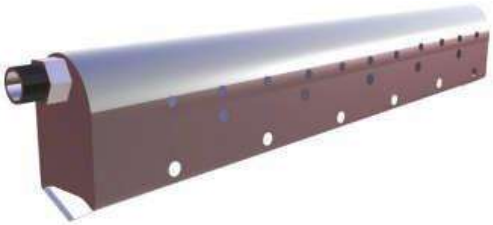

Hình ảnh lắp đặt:

Đĩa thô với UDM	**Ống MaxAir SS**	**Ống MaxAir PVC**

B. THIẾT BỊ PHÂN PHỐI KHÍ TINH (Micro Bubble) – DẠNG ĐĨA

Gồm 2 loại chính: 9" (Đường kính màng: 230 mm) & 12" (Đường kính màng: 300 mm)

Ứng dụng: Sử dụng cho bể xử lý sinh học hiếu khí (Aerotank, SBR, FBR, hồ sinh học v.v…), bể phân huỷ bùn, v.v…

TT	MÔ TẢ HÀNG HÓA	ĐƠN GIÁ [VNĐ]
1	**Đĩa phân phối khí tinh** **Model: DC09 (Micro)** *Thông số kỹ thuật:* - Kiểu: Đĩa (Disc), Bọt mịn (Fine bubble) - Lưu lượng hoạt động: 0.8-4.8 m^3/h - Lưu lượng max: 9.5 m^3/h - Hiệu suất khuếch tán Oxy (SOTE) CAO (*Tại lưu lượng 5 m3/h/1 đĩa, độ sâu ngập nước 4.5m thì Sote là 31.8%* và tổn thất áp là *3.68 kPa)* - Diện tích bề mặt hoạt động: 0.038 m^2 - Đường kính tổng: 273mm - Đầu nối: Ren 27mm Vật liệu: - Màng: EPDM - Khung: GFPP (Glass-filled Polypropylene)	
2	**Đĩa phân phối khí tinh** **Model: DC09 (Hight-Cap)** *Thông số kỹ thuật:* - Kiểu: Đĩa (Disc), Bọt mịn (Fine bubble) - Lưu lượng hoạt động: 0.8-7.9 m^3/h - Lưu lượng max: 15.8 m^3/h - Hiệu suất khuếch tán Oxy (SOTE) CAO (*Tại lưu lượng 5 m3/h/1 đĩa, độ sâu ngập nước 4.5m thì Sote là 31.8%* và tổn thất áp là *3.68 kPa)* - Diện tích bề mặt hoạt động: 0.038 m^2 - Đường kính tổng: 273mm - Đầu nối: Ren 27mm Vật liệu: - Màng: EPDM - Khung: GFPP (Glass-filled Polypropylene)	
3	**Đĩa phân phối khí tinh** **Model: DC12 (Micro)** *Thông số kỹ thuật:* - Kiểu: Đĩa (Disc), Bọt mịn (Fine bubble) - Lưu lượng hoạt động: 0.8-7.9 m^3/h - Lưu lượng max: 15.8 m^3/h - Hiệu suất khuếch tán Oxy (SOTE) CAO - Diện tích bề mặt hoạt động: 0.059 m^2	

TT	MÔ TẢ HÀNG HÓA	ĐƠN GIÁ [VNĐ]
	- Đường kính tổng: 336mm - Đầu nối: Ren 27mm Vật liệu: - Màng: EPDM - Khung: GFPP (Glass-filled Polypropylene)	
4	**Đĩa phân phối khí tinh** **Model: DC12 (High-Cap)** *Thông số kỹ thuật:* - Kiểu: Đĩa (Disc), Bọt mịn (Fine bubble) - Lưu lượng hoạt động: 0.8-14.3 m^3/h - Lưu lượng max: 28.5m^3/h - Diện tích bề mặt hoạt động: 0.059 m^2 - Đường kính tổng: 336mm - Đầu nối: Ren 27mm Vật liệu: - Màng: EPDM - Khung: GFPP (Glass-filled Polypropylene)	
5	**Đĩa phân phối khí tinh (loại SDM)** **Model: DC12 (MicroPore)** *Thông số kỹ thuật:* - Kiểu: Đĩa (Disc), Bọt mịn (Fine bubble) - Lưu lượng thiết kế: 0 – 16 m^3/h - Diện tích bề mặt hoạt động: 0.059 m^2 - Đường kính tổng: 336mm - **Đầu nối: Nối khởi thuỷ (Saddle Mount) với đường kính ống dẫn 90mm** Vật liệu: - Màng: EPDM; - Khung: Glass-fiber-reinforced polypropylene Ghi chú: *Lắp đặt không cần phụ kiện khác*	**Đặt hàng** **Theo yêu cầu** 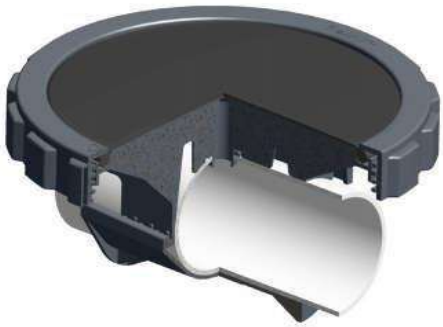
6	**Tuỳ chọn:** **Khâu nối nhanh UDM,** dùng để lắp đặt nhanh đĩa phân phối và ống khí chính từ 2”÷8”, hay ống DN50÷DN200	

Ghi chú:

- *Các loại màng cao cấp: Ceramic (đá gốm), PTFE,* Matrix™, *PTFE-coated, silicone (liên hệ khi có yêu cầu) .*

Hình ảnh lắp đặt:

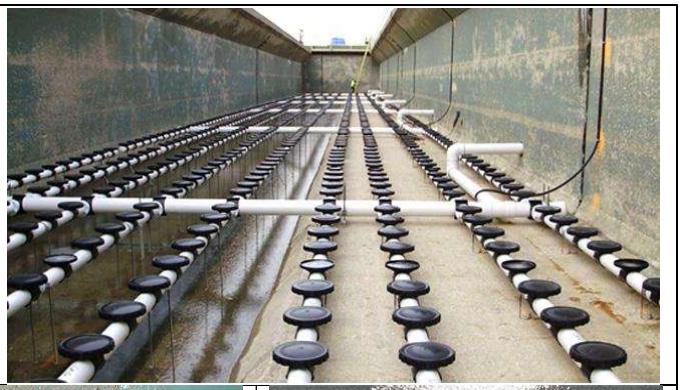

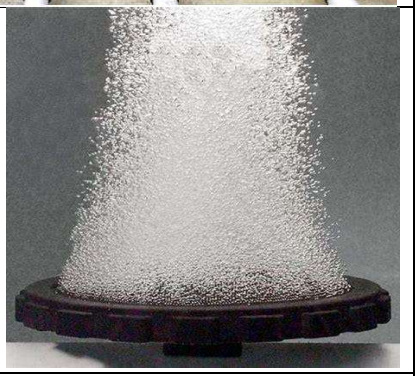

UDM và Saddle Mount	... với Saddle Mount	... với UDM

C. THIẾT BỊ PHÂN PHỐI KHÍ TINH – DẠNG ỐNG

Gồm 2 loại chính: Nối đai khởi thuỷ (Saddle mount) và Nối ren 27mm

Ứng dụng: Sử dụng cho bể xử lý sinh học hiếu khí (Aerotank, SBR, FBR, hồ sinh học v.v…), bể phân huỷ bùn, v.v…

STT	MÔ TẢ HÀNG HÓA	ĐƠN GIÁ (VNĐ)
1	**Ống phân phối khí tinh** **Type: Magnum** **Model: MG3-1003 (Micro)** *Thông số kỹ thuật cho 1 cặp ống (2 tube):* - Kiểu: Ống (tube), Bọt mịn (Fine bubble) - Lưu lượng hoạt động: 12 - 42 m3/h - Lưu lượng max: 64 m^3/h - Hiệu suất khuếch tán Oxy (SOTE) CAO (Ví dụ: *Tại lưu lượng 20 m3/h/1 ống, độ sâu ngập nước 4.5m thì Sote là 24%*) - Tổn thất áp lực qua màng THẤP (Ví dụ: *Tại lưu lượng 20 m3/h/1 ống tổn thất là 7.8 kPa*) - Kích thước tổng (Đk x Dài): 3 inches x 2400 mm - Chiều dài hữu dụng của 1 ống: 1m - Vật liệu: Màng – EPDM **Cung cấp hoàn chỉnh, bao gồm:** Đai nối nhanh khởi thuỷ (Saddle) cho ống chính 4, 6 hoặc 8 inches, 2 ống (tube), gioăng.	**Đặt hàng** **Theo yêu cầu**

2	**Ống phân phối khí tinh** **Type: Magnum** **Model: MG3-502 (Micro)** *Thông số kỹ thuật cho 1 cặp ống (2 tube):* - Kiểu: Ống (tube), Bọt mịn (Fine bubble) - Lưu lượng hoạt động: 6 – 20 m3/h - Lưu lượng max: 32 m^3/h - Hiệu suất khuếch tán Oxy (SOTE) CAO (Ví dụ: *Tại lưu lượng 10 m3/h/1 ống, độ sâu ngập nước 4.5m thì Sote là 27%*) - Tổn thất áp lực qua màng THẤP (Ví dụ: *Tại lưu lượng 10 m3/h/1 ống tổn thất là 6.2 kPa*) - Kích thước tổng (Đk x Dài): 3 inches x1391.9 mm - Chiều dài hữu dụng của 1 ống: 0.5m - Vật liệu: Màng – EPDM **Cung cấp hoàn chỉnh, bao gồm:** Đai nối nhanh khởi thuỷ (Saddle) cho ống chính 4, 6 hoặc 8 inches, 2 ống (tube), gioăng.	**Đặt hàng** **Theo yêu cầu**
3	**Ống phân phối khí tinh** **Type: T-Series** *Thông số kỹ thuật:* - Kiểu: Ống (tube), Bọt mịn (Fine bubble) - Vật liệu: Màng – EPDM - Đầu nối: Ren 27mm (Stainless Steel)	**Đặt hàng** **Theo yêu cầu**

Model T-series	Loại	Lưu lượng hoạt động [m^3N/h]	Lưu lượng Max. [m^3N/h]	Chiều dài màng [mm]	Diện tích bề mặt hoạt động [m^2]	Đơn giá/1 ống [VNĐ]
TS3-1003	Micro	0.8-14.3	31.7	1003	0.245	
	High-Cap	0.8-27.7	55.4	1003	0.245	
TS3-762	Micro	0.8-11.9	23.8	762	0.183	
	High-Cap	0.8-20.6	41.2	762	0.183	
TS3-502	Micro	0.8-7.1	14.3	502	0.116	
	High-Cap	0.8-20.6	28.5	502	0.116	
TS2-1003	Micro	0.8-10.3	20.6	1003	0.159	
	High-Cap	0.8-18.2	36.4	1003	0.159	
TS2–762	Micro	0.8-7.9	15.8	762	0.118	
	High-Cap	0.8-13.5	26.9	762	0.118	
TS2–650	Micro	0.8-6.3	12.7	650	0.099	
	High-Cap	0.8-11.1	22.2	650	0.099	
TS2–610	Micro	0.8-6.0	12.0	610	0.092	
	High-Cap	0.8-10.3	20.6	610	0.092	

Ghi chú: *Thông tin kỹ thuật cho 1 ống khí (1 tube)*

- ***Lưu lượng MAX**: được tham khảo với lưu lượng gấp 2 lần (2 times) so với lưu lượng hoạt động (Peak airflow is approx. twice the design airflow)*
- *Micro: là loại bọt khí tinh (Micro Bubble), được khuyên dùng cho mục đích khuếch tán Oxy (Aeration)*
- *High-Cap (High Capacity) (Fine Bubble), dùng cho mục đích kết hợp khuếch tán Oxy (aeration) và Khuấy trộn (Mixing)*
- *Các loại màng cao cấp: P.U (Poly Urethane), PTFE,* Matrix™, *PTFE-coated, silicone (liên hệ khi có yêu cầu)*

D. PHỤ TÙNG THAY THẾ

TT	Màng khuếch tán khí cho đĩa (disc.)	Màng khuếch tán khí cho Ống (Tube) Sử dụng cho ống Magnum MG3-1003 hoặc ống TS3-1003
1	*Thông số kỹ thuật:* Vật liệu: Màng EPDM **<Có hàng sẵn>** 	*Thông số kỹ thuật:* - Vật liệu: Màng EPDM Cung cấp bao gồm: 01 màng và 2 đai kẹp màng bằng Inox. **<Có hàng sẵn>**
	9 inches (270 mm) 12 inches (340 mm)	Loại kích thước màng (Đk x Dài): 3 inches x 1003mm

Ghi chú:

- Tất cả hàng mới 100%, Chứng nhận kỹ thuật (CQ) và Chứng nhận xuất xứ (C/O).
- Sản xuất chính hãng.
- Đơn giá có thể thay đổi với số lượng đặt hàng lớn.

Quý Khách có thể liên hệ trực tiếp với Chúng tôi để được tư vấn và hỗ trợ và cung cấp:

- Bản vẽ, hình ảnh lắp đặt chi tiết của từng loại thiết bị.
- Lựa chọn màng EPDM hay Poly Urethan cho từng loại nước thải.
- Tính toán chọn số lượng hay loại thiết bị phù hợp.
- Và các yêu cầu khác liên quan, v.v…

E. ĐIỀU KIỆN THƯƠNG MẠI

- *Giá trên chưa bao gồm thuế VAT 8% và chưa bao gồm chi phí TEST REPORT.*
- *Địa điểm giao hàng:* Giao tại nơi do bên mua chỉ định, tại khu vực TP. Hồ Chí Minh.

- *Thời gian giao hàng:* 18 – 20 tuần từ ngày hợp đồng có hiệu lực (đối với hàng không có sẵn) và nhận được tạm ứng.

F. **BẢO HÀNH:** Bảo hành trong thời gian 12 tháng tính từ ngày giao hàng.

G. **HIỆU LỰC:** Chào giá có hiệu lực đến hết 31/12/2025 hoặc khi có thông báo mới.

Rất hân hạnh được phục vụ Quý khách,

Trân trọng!

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 22 tháng 08 năm 2025

CÔNG TY CP GIẢI PHÁP CÔNG NGHỆ MÔI TRƯỜNG NHẤT TINH

(Đã ký)